

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	339.783.679	339.783.679	339.783.679	339.783.679
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	57.763.226	57.763.226	57.763.226	57.763.226
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	10.193.511	10.193.511	10.193.511	10.193.511
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	4.502.492	4.502.492	4.502.492	4.502.492
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	3.397.838	3.397.838	3.397.838	3.397.838
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	1.698.918	1.698.918	1.698.918	1.698.918
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	1.894.256.951	1.894.256.951	1.894.256.951	1.894.256.951
Lương hợp đồng theo chế độ	13	074	6003	00000	0	0	130.017.420	130.017.420	130.017.420	130.017.420
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	32.409.006	32.409.006	32.409.006	32.409.006
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	4.212.000	4.212.000	4.212.000	4.212.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	592.640.474	592.640.474	592.640.474	592.640.474
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	5.265.000	5.265.000	5.265.000	5.265.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	40.403.844	40.403.844	40.403.844	40.403.844
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	356.507.007	356.507.007	356.507.007	356.507.007
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	62.913.001	62.913.001	62.913.001	62.913.001

Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	27.909.714	27.909.714	27.909.714	27.909.714
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	20.971.000	20.971.000	20.971.000	20.971.000
Các khoản đóng góp khác	13	074	6349	00000	0	0	10.485.500	10.485.500	10.485.500	10.485.500
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	17.526.600	17.526.600	17.526.600	17.526.600
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	00000	0	0	4.851.000	4.851.000	4.851.000	4.851.000
Cộng:					0	0	3.619.058.181	3.619.058.181	3.619.058.181	3.619.058.181
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phạm Thị Thanh Nhung

Người ký: Nguyễn Thị Kim Phụng
Ngày ký: 02/04/2025 15:21:40
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước Khu vực II

Nguyễn Thị Kim Phụng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Nguyễn Trúc Vy

Người ký: Lê Nguyễn Trúc Vy
Ngày ký: 01/04/2025 13:55:52
Đơn vị: Trường THPT Thủ Thiêm

Người ký: PHẠM QUANG HIẾU
Ngày ký: 01/04/2025 14:25:43
Đơn vị: Trường THPT Thủ Thiêm

PHẠM QUANG HIẾU